



RESULT BRACKETS

R. Round Rank/Score	Name	NOC Code	Quarterfinals	Semifinals	Finals
1/ 626	常溢芬 -Bye-	TYC		常溢芬 (TYC) 126	常溢芬 (TYC) 113
5/ 537	黃瑞滿	TYC	120	黃瑞滿 (TYC) 106	GOLD 李昀嫻 (TCC)
4/ 569	陳素蓮	TPC	114		
3/ 616	李昀嫻	TCC	135	李昀嫻 (TCC) 134	SILVER 常溢芬 (TYC)
6/ 506	賴麗如	TCC	103		
7/ 361	許綉貞	TYC	53	王心嵐 (TPC) 130	BRONZE 王心嵐 (TPC)
2/ 617	王心嵐	TPC	131		
				黃瑞滿 (TYC) 110	
				王心嵐 (TPC) 130	

Final Rank

1	李昀嫻	TCC	
2	常溢芬	TYC	
3	王心嵐	TPC	
4	黃瑞滿	TYC	
5	陳素蓮	TPC	114
6	賴麗如	TCC	103
7	許綉貞	TYC	53



RESULTS SUMMARY

Rank	Name	NOC	
1	李昀嫻	TCC	臺中市
2	常溢芬	TYC	桃園市
3	王心嵐	TPC	臺北市
4	黃瑞滿	TYC	桃園市
5	陳素蓮	TPC	臺北市
6	賴麗如	TCC	臺中市
7	許綉貞	TYC	桃園市